

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Số: 4447/UBND-TH

V/v đề xuất Dự án tiếp theo
Dự án Xây dựng cầu dân sinh
và quản lý tài sản đường địa
phương (LRAMP-FO) - Tỉnh
Điện Biên

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Điện Biên, ngày 20 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông vận tải.

Điện Biên là một tỉnh miền núi cực Tây Tổ quốc, có đường biên giới trên bộ dài nhất toàn quốc, tiếp giáp cả 2 quốc gia Lào và Trung Quốc, là địa bàn có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia. Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các Bộ ngành Trung ương địa bàn tỉnh đã được đầu tư xây dựng nhiều công trình hạ tầng thiết yếu, đặc biệt là các công trình giao thông quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để Tỉnh thu hút đầu tư thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, xóa đói, giảm nghèo, đồng thời từng bước hoàn chỉnh hệ thống mạng lưới cơ sở hạ tầng giao thông thiết yếu.

Tuy nhiên, hiện nay tỉnh Điện Biên vẫn là tỉnh đặc biệt khó khăn, hạ tầng giao thông rất là giao thông nông thôn còn rất yếu kém, tỷ lệ chiều dài đường giao thông nông thôn được kiên cố mới đạt khoảng 40%, hiện toàn tỉnh còn 06 xã có đường ô tô đến trung tâm xã chưa được kiên cố hóa, trong khi nguồn lực đầu tư từ ngân sách địa phương rất hạn hẹp. Toàn bộ vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đều phụ thuộc vào nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước (do Trung ương hỗ trợ trên 90%). Để thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, tạo động lực phát triển cho khu vực nông thôn thì nhất thiết phải tháo gỡ được điểm nghẽn, nút thắt về hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh. Để thực hiện mục tiêu này, UBND tỉnh Điện Biên đề xuất đầu tư Dự án tiếp theo Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP-FO) - Tỉnh Điện Biên với các nội dung chính như sau:

I. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án tiếp theo Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP-FO) - Tỉnh Điện Biên (Dự án Xây dựng cầu giao thông nông thôn và đường địa phương).

2. Nhà tài trợ dự kiến: Ngân hàng Thế giới (WB)

3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

4. Đơn vị lập đề xuất dự án: Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên.

5. Mục tiêu, phạm vi dự án:

5.1. Mục tiêu dự án

- Mục tiêu tổng quát: Xây dựng các tuyến đường địa phương và xây dựng cầu giao thông nông thôn nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xây dựng 03 tuyến đường tỉnh, 2 tuyến đường huyện và 1 tuyến đường tuần tra biên giới với tổng chiều dài 89,2 km, phục vụ phát triển 2 vùng kinh tế (Vùng kinh tế I - vùng kinh tế động lực, vùng kinh tế III), 04 trục phát triển kinh tế (trục kinh tế động lực; trục phát triển kinh tế dọc theo QL.12; QL.6; QL.4H), kinh tế cửa khẩu, đồng thời góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng tỉnh Điện Biên.

+ Xây dựng 88 cầu giao thông nông thôn có tính cấp thiết trên các tuyến đường địa phương nhằm từng bước xóa bỏ các điểm cách trở sông suối, tạo điều kiện cho người dân đi lại an toàn ngay cả trong mùa mưa lũ, tăng khả năng tiếp cận tới các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội.

5.2. Phạm vi dự án: Dự án được triển khai tại tỉnh Điện Biên.

6. Dự kiến kết quả chính của dự án

6.1. Hợp phần 1: Xây dựng đường địa phương

a. Nhóm các tuyến đường giao thông được đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới phục vụ cho phát triển Vùng kinh tế I (vùng kinh tế động lực phát triển đa dạng các lĩnh vực: nông lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, công nghiệp chế biến,.. gồm: TP. Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên, huyện Điện Biên Đông) và liên kết các trục kinh tế động lực theo QL.279/cao tốc Điện Biên - Sơn La, trục phát triển kinh tế dọc theo QL.12, bao gồm các tuyến:

- Đường giao thông liên vùng từ QL.279C (đường ra cửa khẩu Huổi Puốc, tỉnh Điện Biên) đến Sốp Cộp, QL.4G tỉnh Sơn La:

+ Vị trí: Điểm đầu tại Km56+600/QL.279C, điểm cuối tại xã Mường Lèo huyện Sốp Cộp, QL.4G ;

+ Quy mô đầu tư: Nâng cấp, cải tạo tuyến L=5,0 km, với quy mô cấp IV-MN, kết cấu mặt đường BTXM.

- Đường giao thông kết nối nội vùng, liên kết huyện Điện Biên Đông với trục kinh tế động lực QL.12 và ĐT.143:

+ Vị trí: Điểm đầu tại Km242+600/QL.12; điểm cuối tại Km36+500/ĐT.143.

+ Quy mô đầu tư: Nâng cấp, cải tạo đoạn tuyến có chiều dài 8,3km, với quy mô đường cấp IV-MN, đường đô thị loại IV, mặt đường BTN.

b. Nhóm các tuyến đường giao thông được đầu tư cải tạo, nâng cấp phục vụ cho phát triển Vùng kinh tế III (vùng phát triển tập trung kinh tế nông lâm nghiệp và thủy sản, du lịch, thương mại dịch vụ,.. gồm: huyện Mường Nhé, huyện Nậm Pồ, huyện Mường Chà, thị xã Mường Lay) và liên kết các trục phát triển kinh tế dọc theo QL.12, QL.4H, QL.6, bao gồm các tuyến:

- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 150, đoạn Km38 - Km52.

+ Vị trí: điểm đầu tại trung tâm xã Mường Tùng tại Km38/ĐT.150, điểm

cuối Km02/ĐT.142.

+ Quy mô đầu tư: Nâng cấp, cải tạo ĐT.150 (Km38 - Km52) dài 13,6 km với quy mô cấp IV-MN, kết cấu mặt đường BTN

- Nâng cấp, cải tạo ĐT.144B (Huổi Lèng Hừa Ngài - Nậm Nèn).

+ Vị trí: Điểm đầu giao Km114+900/QL.12; điểm cuối Km434+900/QL.6

+ Quy mô đầu tư: Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến ĐT.144B (31,6 km) với quy mô cấp V-MN, kết cấu mặt đường BTN

- Cải tạo, nâng cấp Đường Mường Toong - Huổi Léch - Nậm Mỹ - Pá Mỹ.

+ Vị trí: điểm đầu tại Km128+50/QL.4H; điểm cuối tại trung tâm xã Pá Mỹ

+ Quy mô đầu tư: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường với quy mô cấp VI-MN, kết cấu mặt đường láng nhựa

- Nâng cấp, cải tạo Đường giao thông từ QL.4H đến mốc quốc giới số 0 A Pa Chải.

+ Vị trí: điểm đầu tại Km34+450/44H2 QL.4H; điểm cuối tại Trạm dừng chân mốc số 0.

+ Quy mô đầu tư: nâng cấp, cải tạo tuyến đường 6,5 km với quy mô cấp VI, IV-MN, kết cấu mặt đường BTXM, BTN.

6.2. Hợp phần 2: Xây dựng cầu giao thông nông thôn

Đề xuất đầu tư xây dựng 88 công trình cầu trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã. Cụ thể:

STT	Huyện	Số lượng (cầu)	Quy mô xây dựng dự kiến		
			Loại kết cấu	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)
I	Vùng kinh tế I	30			
1	TP.Điện Biên Phủ	10	Cầu cứng	10 - 66	7
2	Điện Biên	10	Cầu cứng	24 - 99	4 - 7
3	Điện Biên Đông	10	Cầu cứng	32 - 100	4
II	Vùng kinh tế II	21			
1	Tủa Chùa	9	Cầu cứng	20 - 80	4
2	Tuần Giáo	4	Cầu cứng	32 - 54	4
3	Mường Ảng	8	Cầu cứng	54 - 72	4
III	Vùng kinh tế III	37			
1	Mường Nhé	7	Cầu cứng	48 - 99	4
2	Nậm Pồ	18	Cầu cứng	12 - 120	4
3	Mường Chà	11	Cầu cứng	32 - 132	4
4	Thị xã Mường Lay	1	Cầu cứng	80	7
	TỔNG CỘNG	88			

7. Thời gian thực hiện dự án: 05 năm sau khi hiệp định tài trợ có hiệu lực,

cụ thể:

- Chuẩn bị dự án: 2022 - 2024.
- Thực hiện dự án: 2024 - 2028.

8. Dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án và đề xuất cơ chế tài chính

8.1. Dự kiến tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư dự án dự kiến khoảng 2.668,1 tỷ đồng, tương đương 112,7 triệu USD (tỷ giá tạm tính 1 USD = 23.665 đồng). Cụ thể như sau:

TT	Khoản mục chi phí	Thành tiền			
		Trước VAT	VAT	Sau VAT	
		tỷ VND	tỷ VND	tỷ VND	Triệu USD
I	Chi phí GPMB - TĐC	200,8	20,1	220,9	9,33
II	Chi phí xây dựng và thiết bị	1.683,7	168,4	1.852,0	78,3
III	Chi phí quản lý dự án	36,0	0,0	36,0	1,52
IV	Chi phí tư vấn	104,5	7,0	111,5	4,71
V	Chi phí khác	26,4	2,3	28,7	1,21
VI	Chi phí dự phòng	337,4	33,7	371,1	15,68
VII	Chi phí tài chính của dự án (bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng, Phí cam kết, Phí thu xếp khoản vay, Phí quản lý cho vay lại của Chính phủ)	47,8		47,8	2,02
	TỔNG CỘNG	2.436,6	231,5	2.668,1	112,7

8.2. Cơ cấu nguồn vốn đề xuất

- Vốn vay ODA của WB: Khoảng 2.033,1 tỷ đồng (tương đương 85,9 triệu USD) được sử dụng cho các hạng mục: (i) Chi phí xây lắp, thiết bị; (ii) Chi phí tư vấn; (iii) Chi phí dự phòng.

- Vốn đối ứng: Khoảng 635 tỷ đồng (tương đương 26,8 triệu USD) được sử dụng cho các hạng mục: (i) Chi phí GPMB-TĐC; (ii) Chi phí xây lắp, thiết bị; (iii) Chi phí quản lý dự án (iv) Chi phí tư vấn; (v) Chi phí khác; (vi) Chi phí dự phòng; (vii) Chi phí tài chính của dự án.

TT	Khoản mục chi phí	TMĐT	Vốn vay ODA	Vốn đối ứng	Vốn vay ODA	Vốn đối ứng
			tỷ VND		triệu USD	
1	Chi phí GPMB-TĐC	220,9		220,9	0,0	9,3
2	Chi phí xây lắp và thiết bị	1852,0	1683,7	168,4	71,1	7,1
3	Chi phí quản lý dự án	36,0		36,0		1,5

TT	Khoản mục chi phí	TMĐT	Vốn vay ODA	Vốn đối ứng	Vốn vay ODA	Vốn đối ứng
			tỷ VND		triệu USD	
4	Chi phí tư vấn	111,5	84,2	27,3	3,6	1,2
5	Chi phí khác	28,7		28,7		1,2
6	Chi phí dự phòng	371,1	265,2	105,9	11,2	4,5
7	Chi phí tài chính của dự án	47,8		47,8		2,0
	Tổng cộng	2.668,1	2.033,1	635,0	85,9	26,8
	Tỷ lệ		76%	24%		

8.3. Đề xuất cơ chế tài chính trong nước

Do nội dung đầu tư các tuyến đường tỉnh, đường huyện thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương nên theo Khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh Điện Biên đề xuất cơ chế tài chính trong nước như sau:

- Vốn vay ODA của WB: Ngân sách TW cấp phát 90%, tỉnh Điện Biên vay lại 10% vốn ODA.

- Vốn đối ứng: tỉnh Điện Biên bố trí 100% vốn đối ứng từ ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để từng bước tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển KT-XH trên địa bàn tỉnh giai đoạn đến năm 2030, UBND tỉnh Điện Biên đã hoàn thiện Dự án theo hướng dẫn tại Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ, trân trọng đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt đề xuất Dự án tiếp theo Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP-FO) - Tỉnh Điện Biên (Dự án Xây dựng cầu giao thông nông thôn và đường địa phương) sử dụng vốn vay của WB.

(có Đề xuất dự án kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên trân trọng cảm ơn sự phối hợp và hỗ trợ của quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Các sở: GTVT, KHĐT, TC;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô